

Bản án số: 15/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 12-8-2025
V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con
chung khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 – HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Trung

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Chí Dũng và bà Đinh Thị Tin.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Tiến Đạt – Thư ký Tòa án nhân dân vực 10 – Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 –Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Tăng Bá Thắng – Kiểm sát viên.

Ngày 12/8/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10 – Hải Phòng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 420/2024/TLST-HNGĐ ngày 26/12/2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/4/2025, các quyết định hoãn phiên tòa số 17/2025/QĐST-HNGĐ ngày 25/4/2025, số 21/2025/QĐST-HNGĐ ngày 23/5/2025, số 27b/2025/QĐST-HNGĐ ngày 23/6/2025 và số 03a/2025/QĐST-HNGĐ ngày 23/7/2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị T, sinh ngày 15/7/1995. Số CCCD: 030195000860 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội – Bộ C2 cấp ngày 22/12/2021. Địa chỉ: Tổ dân phố Đ, phường N, thành phố Hải Phòng.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Chí C, sinh ngày 05/12/1988. Số CCCD: 030088005868 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội – Bộ C2 cấp ngày 28/9/2021. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố P, phường N, thành phố Hải Phòng. Nơi ở hiện nay: Thôn A, xã V, thành phố Hải Phòng.

- Người làm chứng:

+ Bà Phạm Thị T1, sinh năm 1962; địa chỉ: Thôn A, xã V, thành phố Hải Phòng.

+ Bà Phạm Thị N, sinh năm 1965; địa chỉ: Tổ dân phố Đ, phường N, thành phố Hải Phòng.

(Chị T vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt; anh C, bà T1 và bà N vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu có trong hồ sơ, ý kiến trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, chị Nguyễn Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Chí C tự nguyện kết hôn, được Ủy ban nhân dân phường P, thị xã K, tỉnh Hải Dương (nay là phường N, thành phố Hải Phòng) cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 36 ngày 29/3/2022. Trước khi kết hôn, chị đã có gia đình riêng và đã ly hôn vào năm 2016. Sau khi kết hôn, chị chung sống cùng với anh C theo hộ khẩu tại Khu G, phường P, thị xã K, tỉnh Hải Dương. Anh chị chung sống hạnh phúc được khoảng 01 năm thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh C đi làm không mang kinh tế về cho gia đình, chơi bời, đi hát, cho phụ nữ khác tiền, khi chị khuyên can thì anh C không chịu thay đổi mà còn đánh chị nhiều lần. Đến tháng 02 năm 2023, anh C đánh chị như kẻ thù nên chị phải đẻ con lại và chạy về nhà bố mẹ đẻ của chị tại khu dân cư Đ, phường H, thị xã K, tỉnh Hải Dương (nay là phường N, thành phố Hải Phòng) để sinh sống và sống ly thân với anh C từ đó đến nay. Anh C có 01 lần đến xin lỗi, đón chị về nhưng chị xác định anh C không thay đổi được nên chị không về đoàn tụ để đảm bảo tính mạng của chị. Do đó, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh C.

Về con chung: Chị và anh C có 01 con chung là cháu Nguyễn Đức A, sinh ngày 26/02/2022 (Giới tính: Nam). Sau khi ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đức A đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi. Chị tự nguyện không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi chung. Hiện nay chị đang làm công nhân, mức thu nhập bình quân là 10.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai của người làm chứng, bà Phạm Thị N (mẹ ruột của chị Nguyễn Thị T) trình bày: Chị T và anh Nguyễn Chí C tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, thị xã K, tỉnh Hải Dương (nay là phường N, thành phố Hải Phòng) từ đầu năm 2022. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc được khoảng 01 năm thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn và do anh C chơi bời, không quan tâm đến gia đình, vợ con, chị T khuyên can nhưng anh C lại đánh đập chị nhiều lần. Đến tháng 02/2023, chị T bị đánh, phải đẻ con lại và chạy về nhà bà có địa chỉ tại: Tổ dân phố Đ, phường N, thành phố Hải Phòng để ở, vì tương lai của con cái nên chị T cũng không báo Công an để giải quyết. Sau khi chị T bỏ về, anh C có 01 lần đến xin lỗi, đón chị T nhưng chị T không về để đoàn tụ. Bà luôn mong muốn con của mình được hạnh phúc nhưng thực tế không được như mong muốn, nay chị T xin ly hôn là quyền của chị và anh C quyết định. Trường hợp chị T được giao nuôi con chung, bà sẽ hỗ trợ, tạo điều kiện về chỗ ở và giúp đỡ việc trông nom con cái cho chị T khi chị T đi làm.

Tại biên bản lấy lời khai của người làm chứng, bà Phạm Thị T1 (mẹ ruột của anh Nguyễn Chí C) trình bày: Anh C và chị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký hôn, được gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn, anh C và chị T sinh sống cùng với gia đình bà có địa chỉ tại thôn A, xã N, thành phố T, thành phố Hải Phòng (nay là thôn A, xã V, thành phố Hải Phòng). Tuy nhiên, hộ khẩu của gia đình bà vẫn được đăng ký tại khu G, phường P, thị xã K, tỉnh Hải Dương và do chính quyền địa phương tại Khu G, phường P, thị xã K, tỉnh Hải Dương quản lý (nay là tổ dân phố P, phường N, thành phố Hải Phòng).

Sau khi kết hôn, anh C và chị T sinh sống hòa thuận, hạnh phúc tới khoảng tháng 6/2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do đâu thì bà không nắm rõ. Chị T cũng đã nhiều lần bỏ về nhà bố mẹ đẻ nhưng sau đó anh chị lại tiếp tục đoàn tụ. Tuy nhiên, khoảng cuối năm 2024, anh C và chị T phát sinh mâu thuẫn đỉnh điểm, chị T cũng lại bỏ về nhà bố mẹ đẻ của chị để sinh sống. Đến nay, chị T vẫn chưa trở về gia đình bà.

Sau khi biết được sự việc mâu thuẫn của anh C và chị T, gia đình bà cũng đã khuyên ngăn, hòa giải nhưng không thành. Nay chị T làm đơn xin ly hôn anh C, dưới góc độ là phụ huynh, bà cũng mong muốn các con đoàn tụ, tuy nhiên nếu chị T vẫn kiên quyết xin ly hôn thì đó là quyền của chị, bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Hiện nay, con chung của anh chị là cháu Nguyễn Đức A đang ở chung với gia đình bà, do bà cùng với anh C chăm sóc. Trong trường hợp anh C và chị T ly hôn, nếu Tòa án giao cho anh C được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Đức A, bà sẽ hỗ trợ anh C về các điều kiện ăn ở, sinh hoạt cho cháu Đức A.

Tại biên bản xác minh với Trưởng khu G, phường P, thị xã K, tỉnh Hải Dương (nay là phường N, thành Phố Hải Phòng) – bà Lê Thị H cung cấp: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Chí C kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Hiện theo thông tin bà nắm được là anh C vẫn đang đăng ký hộ khẩu thường trú tại khu G, phường P, thị xã K, tỉnh Hải Dương (nay là phường N, thành phố Hải Phòng). Sau khi kết hôn, chị T và anh C sinh sống tại đội E, thôn T, xã A, huyện T, thành phố Hải Phòng (sau khi sát nhập là thôn A, xã N, T, thành phố Hải Phòng (nay là xã V, thành phố Hải Phòng).

Hiện nay, cơ sở khu 7 vẫn đang thực hiện quản lý đối với hộ gia đình anh Nguyễn Chí C. Lý giải cho vấn đề này, vào thời kỳ trước đây, lãnh đạo phường P đã giao cho khu 7 quản lý các hộ dân có đăng ký hộ khẩu thường trú tại khu G, phường P, thị xã K, tỉnh Hải Dương nhưng đang sinh sống tại đội 5, xã A, huyện T, thành phố Hải Phòng. Vào năm 1970, tại khu B, phường P có đặt trụ sở của mỏ đá vôi Thống Nhất, tỉnh Hải Hưng (Nay là công ty S). Sau khi thành lập, một số lượng nhỏ công nhân của mỏ đá đã đến làm việc và đăng ký hộ khẩu

thường trú tại khu G, phường P. Cùng với thời điểm nói trên, mỏ đá có tách một đội sản xuất sang làm việc tại mỏ đá có chi nhánh tại thôn T, xã A, T, Hải Phòng. Qua nhiều thế hệ thì hiện nay các hộ dân này vẫn sinh sống tại thôn T, xã A, huyện T, thành phố Hải Phòng nhưng hiện vẫn đang đăng ký hộ khẩu thường trú tại khu G, phường P, thị xã K, tỉnh Hải Dương. Tổng cộng có 24 hộ thuộc trường hợp trên và trong đó có hộ của ông Nguyễn Văn T2, anh Nguyễn Chí C là con trai của ông T2. Các hộ dân trên vẫn thực hiện nghĩa vụ về thuế và các nghĩa vụ khác đối với khu G, phường P.

Qua công tác quản lý, bà cũng nắm được việc chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Chí C phát sinh mâu thuẫn trong thời kỳ hôn nhân. Có thời điểm bà biết được chị T đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ của chị để ở, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn của hai anh chị là do đâu thì bà không nắm rõ. Theo thông tin tại sổ đăng ký cư trú, anh chị có 01 con chung tên Nguyễn Đức A, sinh năm 2022.

Tại biên bản xác minh với Công chức tư pháp – hộ tịch phường P, thị xã K, tỉnh Hải Dương (nay là phường N, thành phố Hải Phòng) – bà Nguyễn Thị Phương T3 cung cấp: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Chí C kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, thị xã K, tỉnh Hải Dương. Về quá trình sinh sống, thời gian phát sinh mâu thuẫn và nguyên nhân mâu thuẫn của anh chị là do đâu thì địa phương không nắm rõ. Về con chung, anh chị có 01 con chung là Nguyễn Đức A, sinh ngày 26/02/2022 (Giới tính: Nam).

Tại biên bản xác minh với Cán bộ công an phường P, thị xã K, tỉnh Hải Dương (nay là phường N, thành phố Hải Phòng) – ông Nguyễn Anh Đ cung cấp: Qua tra cứu trên Cổng thông tin dữ liệu quốc gia về dân cư, thể hiện anh Nguyễn Chí C, sinh năm 1988 có hộ khẩu thường trú tại khu G, phường P, thị xã K, tỉnh Hải Dương. Qua rà soát với trưởng khu dân cư số G, phường P, anh C hiện tại không có mặt tại địa phương, hiện đang sinh sống tại xã A, huyện T, thành phố Hải Phòng nhưng không có đăng ký tạm trú, tạm vắng.

Tại biên bản xác minh với Cán bộ công an xã N, thành phố T, thành phố Hải Phòng (nay là xã V, thành phố Hải Phòng) – ông Đỗ Hữu C1 cung cấp: Qua tra cứu trên Cổng thông tin dữ liệu quốc gia về dân cư, thể hiện anh Nguyễn Chí C, sinh năm 1988 có đăng ký tạm trú tại xã N, thành phố T, thành phố Hải Phòng từ ngày 28/8/2020 đến ngày 28/8/2022. Từ ngày 29/8/2022, anh C không còn đăng ký tạm trú tại xã N, thành phố T, thành phố Hải Phòng.

Tại phiên tòa:

*Nguyên đơn – chị T vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn với anh C, xin được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung, chị T tự nguyện không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con.

*Bị đơn – anh C dù đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt tại phiên tòa.

*Đại diện viện kiểm sát nhân dân khu vực 10-Hải Phòng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Toà án đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Nguyên đơn chấp hành đầy đủ, bị đơn không chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Điều 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm; Điều 39 Bộ luật dân sự 2015; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T, xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Nguyễn Chí C.

- *Về con chung:* Giao cháu Nguyễn Đức A, sinh ngày 26/02/2022 (Giới tính: Nam; số định danh cá nhân: 030222002451) cho chị T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng kể từ tháng 8/2025 đến khi cháu Nguyễn Đức A trưởng thành, đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị T về việc không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản chung, riêng, công nợ:* Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết; anh C vắng mặt và không có ý kiến gì, sau này các đương sự nếu có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng vụ án khác theo quy định của Pháp luật.

- *Về án phí:* Chị T phải chịu 300.000 đồng án ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra công khai tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Bị đơn anh C có đăng ký hộ khẩu thường trú tại phường N, thành phố Hải Phòng nên yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 10 – Thành phố Hải Phòng theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chị T có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh C vắng mặt lần thứ 2 không có lý do, người làm chứng vắng mặt, căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228, khoản 2 Điều 229 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn và người làm chứng.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị T và anh C kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền nên xác định là hôn nhân hợp pháp.

[3] Căn cứ lời khai của nguyên đơn, người làm chứng, biên bản xác minh và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở để xác định: Quá trình cùng chung sống, chị T và anh C đã xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh chị bất đồng về quan điểm, không có tiếng nói chung trong đời sống hôn nhân. Anh C thường xuyên chơi bời, không quan tâm tới vợ con, hỗ trợ về kinh tế cho gia đình, ngoài ra anh C còn có biểu hiện bạo lực gia đình đối với chị T; vợ chồng đã sống ly thân từ lâu, mỗi người một nơi, cắt đứt mọi quan hệ tình cảm, kinh tế từ lâu.

Từ các nội dung nói trên, thể hiện anh chị đã vi phạm quyền và nghĩa vụ của vợ chồng theo Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T, xử cho chị T ly hôn anh C là phù hợp quy định tại Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình và Điều 39 Bộ luật dân sự, Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

[4] *Về con chung*: Chị T và anh C có 01 con chung là cháu Nguyễn Đức A, sinh ngày 26/02/2022 (Giới tính: Nam, số định danh cá nhân: 030222002451). Hiện cháu Nguyễn Đức A đang ở chung cùng với anh C. Chị T có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Đức A tới khi trưởng thành, đủ 18 tuổi. Chị T tự nguyện không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Hiện nay, cháu Nguyễn Đức A vẫn còn nhỏ, chưa đủ 36 tháng tuổi nên cần có sự quan tâm, chăm sóc trực tiếp của người mẹ để có sự phát triển toàn diện cả về mặt thể chất và tinh thần. Bên cạnh đó, theo nội dung đã được những người làm chứng trình bày, hiện nay chị T đang sinh sống cùng với bố mẹ đẻ, bố mẹ đẻ của chị sẵn sàng hỗ trợ và tạo điều kiện về chỗ ở, giúp đỡ chị trong việc chăm sóc con cái, anh C không có ý kiến gì.

Xét thấy, để bảo đảm điều kiện tốt nhất cho cháu Nguyễn Đức A cần chấp nhận yêu cầu của chị T, giao cháu Nguyễn Đức A cho chị T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Thời gian giao nuôi con chung từ tháng 8/2025 đến khi cháu Nguyễn Đức A trưởng thành, đủ 18 tuổi. Chị T không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con chung là hoàn toàn tự nguyện, cần chấp nhận. Anh C có quyền thăm nom, gặp gỡ con chung mà không ai được cản trở là phù hợp với quy định tại các điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân & gia đình, Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

[5] *Về tài sản chung, nợ chung*: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết; anh C vắng mặt và không có ý kiến gì.

Sau này các đương sự nếu có yêu cầu giải quyết về con chung, tài sản chung, nợ chung, sẽ được giải quyết bằng vụ án khác theo quy định của Pháp luật.

[6] *Về án phí*: Chị T có có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết về việc ly hôn anh C và không thuộc trường hợp được miễn nên chị phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[7] *Về quyền kháng cáo*: Chị T và anh C có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 39 Bộ luật Dân sự; Điều 28, 35, 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, khoản 2 Điều 229, Điều 238, khoản 1 Điều 244, Điều 277 và Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 15/6/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T.

1.1. Xử cho chị Nguyễn Thị T ly hôn anh Nguyễn Chí C.

1.2. Giao cháu Nguyễn Đức A, sinh ngày 26/02/2022 (Giới tính: Nam, số định danh cá nhân: 030222002451) cho chị Nguyễn Thị T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Thời gian giao nuôi con chung từ tháng 8/2025 đến khi cháu Nguyễn Đức A trưởng thành, đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Chấp nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị T về việc không yêu cầu anh Nguyễn Chí C phải cấp dưỡng nuôi con chung.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương theo biên lai ký hiệu BLTU/23

số 0007138 ngày 25/12/2025, chị Nguyễn Thị T đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Chí C được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND khu vực 10 – TP. Hải Phòng;
- UBND phường Nhị Chiểu, thành phố Hải Phòng (GCNKH số 26 ngày 29/3/2022 do UBND phường Phú Thới, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương cấp);
- Thi hành án dân sự TP. Hải Phòng;
- Lưu hồ sơ, VP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Trung